

CÔNG TY TNHH VA-TRAVEL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VA-TRAVEL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VA-TRAVEL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VATRAVEL LLC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108178849

3. Ngày thành lập: 08/03/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 12/466/49 Ngô Gia Tự, Tổ 14, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977298445

Fax:

Email: thaochinh201207@gmail.com Website: www.vatrael.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự	5510
2.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: - Ký túc xá học sinh, sinh viên - Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm - Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu	5590
3.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
5.	Bán buôn tổng hợp	4690
6.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
7.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
8.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
9.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
10.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh lữ hành nội địa (căn cứ khoản 1 Điều 30 Luật Du lịch) - Kinh doanh lữ hành quốc tế (căn cứ khoản 2 Điều 30 Luật Du lịch)	7912(Chính)

11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh lưu kho, bảo quản hàng hóa tại ga đường sắt (căn cứ Điều 12 Nghị định 14/2015/NĐ-CP) - Kinh doanh sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi phương tiện giao thông đường sắt (căn cứ Điều 13 Nghị định 14/2015/NĐ-CP) - Đại lý bán vé (căn cứ Điều 58 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT) - Đại lý vận tải hàng hóa (căn cứ Điều 59 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT) - Dịch vụ thu gom hàng, dịch vụ chuyển tải, dịch vụ kho hàng (căn cứ Điều 60 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT) - Dịch vụ cứu hộ vận tải đường bộ (căn cứ Điều 61 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT) - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hoá - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy - Lai dắt, cứu hộ đường bộ	5221
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
13.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: - Kinh doanh xếp, dỡ hàng hóa tại ga, bãi hàng có đường sắt (căn cứ Điều 11 Nghị định 14/2015/NĐ-CP) - Bốc xếp hàng hóa đường bộ - Bốc xếp hàng hóa cảng biển - Bốc xếp hàng hóa cảng sông - Bốc xếp hàng hóa cảng hàng không	5224
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý tàu biển (căn cứ Điều 10 Nghị định 30/2014/NĐ-CP) - Gửi hàng - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường hàng không - Giao nhận hàng hóa - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan - Môi giới thuê tàu biển, máy bay, phương tiện vận tải bộ - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần - Dịch vụ đóng hòm, đóng thùng và bao gói hàng hóa để vận chuyển - Dịch vụ làm thủ tục visa, hộ chiếu - Hoạt động liên quan khác như: dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá	5229

15.	Cho thuê xe có động cơ	7710
16.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển (Điều 5 Nghị định 30/2014/NĐ-CP)	5011
17.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển (Điều 5 Nghị định 30/2014/NĐ-CP)	5012
18.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định (Điều 6 Nghị định 110/2014/NĐ-CP) - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyến (Điều 7 Nghị định 110/2014/NĐ-CP) - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch (Điều 8 Nghị định 110/2014/NĐ-CP) - Kinh doanh vận tải hành khách ngang sông (Điều 9 Nghị định 110/2014/NĐ-CP)	5021
19.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê thiết bị vận tải đường bộ (trừ xe có động cơ) không có người điều khiển như mô tô, xe lưu động, cắm trại,	7730
20.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: - Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống - Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
21.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
22.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
23.	Vận tải hành khách đường sắt Chi tiết: Kinh doanh vận tải đường sắt (căn cứ Điều 10 Nghị định 14/2015/NĐ-CP)	4911
24.	Vận tải đường ống	4940
25.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
26.	Dịch vụ đóng gói	8292
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty	8299
29.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng (căn cứ Điều 7 Nghị định 86/2014/NĐ-CP) - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô (căn cứ Điều 8 Nghị định 86/2014/NĐ-CP)	4932

30.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 86/2014/NĐ-CP) - Vận tải hàng hóa bằng xe lam, xe lôi, xe công nông - Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác	4933
31.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa (Điều 10 Nghị định 110/2014/NĐ-CP)	5022
32.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
33.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
34.	Đại lý du lịch	7911
35.	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: Kinh doanh vận tải đường sắt (căn cứ Điều 10 Nghị định 14/2015/NĐ-CP)	4912
36.	Vận tải bằng xe buýt Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt (căn cứ Điều 5 Nghị định 86/2014/NĐ-CP)	4920
37.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định (căn cứ Điều 4 Nghị định 86/2014/NĐ-CP)	4931

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

hai tỉ đồng

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	VŨ THỊ TÌNH	Căn 2308 Tòa HH2D, KĐT Dương Nội, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	25,000	111886909	
2	TRỊNH THỊ THẨM	Số 12/466/49 Ngõ Gia Tự, Tổ 14, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	25,000	027186000407	

3	TRỊNH THỊ THẢO	Căn 1736 Tòa CT8A, KĐT Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	50,000	125119210	
---	----------------	--	---------------	--------	-----------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRỊNH THỊ THẢO

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/05/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125119210

Ngày cấp: 03/11/2015

Nơi cấp: Công An Tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn 1736 Tòa CT8A, KĐT Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn 1736 Tòa CT8A, KĐT Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội